ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2334 /QĐ-UBND	*Vĩnh Thuận, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Vĩnh Thuận Quý III năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị Trưởng phòng Kinh tế xã Vĩnh Thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Vĩnh Thuận quý III năm 2026 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng phòng giao dịch số 2 thuộc Kho bạc nhà nước khu vực XX, Thủ trưởng đơn vị cùng các ngành có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính An Giang;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã (để b/c);
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, PKT, dthanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH THUẬN T. AN GIANG

Huỳnh Ngọc Nguyên

Số: 2334/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-09-25T15:48:11+07:00

UBND XÃ VĨNH THUẬN **Mẫu biểu số 56.1**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện 09 tháng so (%)	
			Quý III	Lũy kế 09 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP	**145.884**	**38.921**	**128.471**	**88,06**	**337,79**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**139.876**	**38.921**	**128.471**	**91,85**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**178**	**2.753**	**11.753**	**6.602,81**	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	178	2.753	11.753	6.602,81	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	
II	**Chi trả nợ lãi**	**-**	**-**	**-**		
III	**Chi thường xuyên**	**136.955**	**34.876**	**114.296**	**83,46**	
	Trong đó					
-	*Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề*	*74.009*	*13.614*	*45.720*	*61,78*	
-	*Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*	-	-	-		
IV	**Chi cho vay**	**-**	**-**	**-**	**-**	
V	**Chi viện trợ**	**-**	**-**	**-**	**-**	
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**		**-**	**-**		
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**2.743**	**1.292**	**2.422**	**88,30**	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**	**-**	**-**	**-**	**-**	
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**	**-**			**-**	
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU**	**6.008**	**-**	**-**	**-**	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	6.008			-	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	

Số: 2334/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-09-25T15:47:59+07:00

UBND XÃ VĨNH THUẬN **Mẫu biểu số 55**

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2334 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện 09 tháng so (%)	
			Quý III	Lũy kế 09 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**6.150**	**1.717**	**5.508**	**89,56**	**144,30**
I	**Thu nội địa**	**6.150**	**1.717**	**5.508**	**89,56**	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	950	355	1.950	205,26	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.250	187	758	60,64	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	3.000	885	2.335	77,83	
	Trong đó: lệ phí trước bạ	*2.800*	*759*	*2.029*	*72,46*	
7	Các khoản thu về nhà, đất	300	203	203	67,67	
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*				-	
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*					
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*					
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*300*	*203*	*203*	*67,67*	
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*				-	
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công				-	
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước		-	-		
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*				-	
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*				-	
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	650	87	262	40,31	
II	**Thu từ dầu thô**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**-**	**-**	**-**		
IV	**Thu viện trợ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
B	**HOÀN THUẾ GTGT, THUẾ TTĐB VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC**	**-**	**-**	**-**	**-**	
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**4.478**	**1.438**	**4.215**	**94,13**	**863,73**
1	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	1.128	650	2.054	182,09	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)				-	
3	Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng 100%	3.350	788	2.161	64,51	

Số: 2334/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-09-25T15:47:42+07:00

UBND XÃ VĨNH THUẬN **Mẫu biểu số 54**

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2334 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện 9 tháng so (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**6.150**	**1.717**	**5.508**	**89,56**	**144,30**
1	Thu nội địa	6.150	1.717	5.508	89,56	
2	Thu từ dầu thô	-	-	-	-	
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
4	Thu viện trợ	-	-	-	-	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**145.884**	**65.537**	**176.778**	**121,18**	**329,03**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**4.478**	**1.438**	**4.215**	**94,13**	
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	3.350	788	2.161	64,51	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)	-	-	-	-	
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	1.128	650	2.054	182,09	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**141.371**	**64.099**	**164.099**	**116,08**	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	135.363	35.363	135.363	100,00	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.008	28.736	28.736	478,30	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**	**-**	**-**	**-**		
IV	**Thu kết dư**	**-**	**-**	**-**		
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**35**		**8.464**	**24.182,86**	
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**145.884**	**38.921**	**128.471**	**88,06**	**337,79**
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**139.876**	**38.921**	**128.471**	**91,85**	
1	Chi đầu tư phát triển	178	2.753	11.753	6.602,81	
2	Chi thường xuyên	136.955	34.876	114.296	83,46	
3	Chi cho vay	-	-	-	-	
4	Chi viện trợ	-	-	-	-	
5	Chi trả nợ lãi		-	-		
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		-	-		
7	Dự phòng NSNN	2.743	1.292	2.422	88,30	
8	Các nhiệm vụ chi khác	-			-	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu**	**6.008**				
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**